ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ

Số tài khoản lưu ký	1	2	3	C	4	4	4	5	5	5

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2024, chúng tôi gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV ("CVS")		
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh		
Số điện thoại: 028.73038008	Fax: (+8428) 6 255 6580	Website: https://cvs.vn
Giấy phép số: 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009	Nơi cấp: UBCKNN	Ngày cấp: 25/03/2009
Thông tin người đại diện		
Người đại diện: Đỗ Quang Thuận		Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Số CMND/CCCD: 031077015971		Được ủy quyền theo quy định về quyền hạn ký hồ sơ mở tài khoản và đăng ký dịch vụ do CVS ban hành trong từng thời kỳ.
Ngày cấp: 28/07/2022		
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội		

KHÁCH HÀNG		
Tên khách hàng: Test api		
Tên viết tắt:		Loại hình: ☒ Cá nhân ☐ Tổ chức Giới tính: ☐ Nam ☒ Nữ
Ngày sinh/ ngày thành lập: 10/11/1998		
Số CMND/CCCD/ĐKKD: 229999001		Ngày cấp:03/06/2022
Nơi cấp: CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI		
Ngành nghề kinh doanh:	Mã số thuế:	Quốc tịch: VN
Địa chỉ thường trú/Trụ sở: địa chỉ thường trú		
Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ liên lạc		
Điện thoại di động (*): 032588855	Email (**): thuynt@goline.vn	
(Số điện thoại di động (*) và Email (**) được sử dụng để đăng ký các dịch vụ và giao dịch trực tuyến)		
Điện thoại cố định:	Fax:	
Người đại diện:	Chức vụ:	
Số CMND/CCCD:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Theo văn bản ủy quyền số:	Ngày:	Số điện thoại liên lạc:

Khách hàng và CVS đồng ý ký kết Đề nghị kiêm Hợp đồng mở tài khoản và đăng ký dịch vụ (gọi tắt là "Hợp đồng"). Khách hàng xác nhận đã được tư vấn, hiểu rõ và đồng ý với nội dung của Hợp đồng và các quy định tại Phần C - Các Điều khoản và Điều kiện của Hợp đồng. Khách hàng xác nhận đã nhận và giữ một bản Hợp đồng.

KHÁCH HÀNG	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV
Test api	
Đã kí xác nhận 29/02/2024 09:54:49	Đã kí xác nhận 29/02/2024 09:54:49

Chữ ký mẫu 1	Chữ ký mẫu 2

Nhân viên thực hiện	Kiểm soát
☐ ID Contact Center:…….. Ngày, giờ:……..... ☐ Tại quầy	

Thông tin về người tư vấn mở tài khoản		Chữ ký
Họ tên:	Mã ID:	
Số chứng chỉ hành nghề:	Email:	
Ý kiến của người tư vấn:		

A. KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ LOẠI TÀI KHOẢN

1. Đăng ký loại tài khoản:	☒ Loại 1: Lưu ký chứng khoán và thanh toán tiền tại CVS. ☐ Loại 2: Lưu ký chứng khoán tại CVS, thanh toán tiền qua Ngân hàng: Số tài khoản:……..... Tại Chi nhánh ngân hàng:…….....|
2. Đăng ký mở Tài khoản ký quỹ: *(Chỉ áp dụng cho tài khoản Loại 1)*	☐ Có: Khách hàng ký xác nhận ……..... ☐ Không

B. KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ CÁC DỊCH VỤ

1. Giao dịch trực tuyến qua internet, ứng dụng di động:	☒ Có	☐ Không
2. Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán tự động:	☒ Có	☐ Không
3. Dịch vụ chuyển tiền tới tài khoản ngân hàng đăng ký trước:	☒ Có	☐ Không

4. Tài khoản nhận tiền tại Ngân hàng: (Khách hàng vui lòng gạch chéo phần không đăng ký)

STT	***Tài khoản nhận tiền***		***Tài khoản trung gian***	
1	*Tên chủ tài khoản*	Lin	*Tên chủ tài khoản*	
	Số tài khoản	999999	*Số tài khoản*	
	Tại Ngân hàng	VIETCOMBANK	*Tại Ngân hàng*	
	Tài khoản nhận tiền		***Tài khoản trung gian***	
2	*Tên chủ tài khoản*		*Tên chủ tài khoản*	
	Số tài khoản		*Số tài khoản*	
	Tại Ngân hàng		*Tại Ngân hàng*	

Ngoài các Tài khoản ngân hàng thụ hưởng và Tài khoản giao dịch tại CVS đã đăng ký, Khách hàng có thể chuyển tiền giữa các tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường, tài khoản giao dịch ký quỹ và các tiểu khoản khác đứng tên Khách hàng tại CVS

C. THÔNG TIN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Kinh nghiệm và kiến thức về đầu tư: ☒ Có ☐ Không

2. Mức độ chấp nhận rủi ro:	☐ Thấp	☐ Trung bình	☐ Cao	
3. Mục tiêu đầu tư:	☐ Thu nhập cố định	☐ Tăng trưởng dài hạn	☐ Tăng trưởng trung hạn	☐ Tăng trưởng ngắn hạn

4. Tên công ty đại chúng mà Khách hàng thuộc đối tượng công bố thông tin:

Tên công ty đại chúng và chức vụ mà Khách hàng là người nội bộ hoặc là người có liên quan của người nội bộ:	ACB
Tên công ty đại chúng mà Khách hàng là người/thuộc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết:	HPG
Tên công ty đại chúng mà Khách hàng là cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:	

5. Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: ☐ Có ☐ Không

Khách hàng cam kết thông báo kịp thời cho CVS trong trường hợp Khách hàng trở thành hoặc không còn là các đối tượng công bố thông tin.

D. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ (CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA)

1. Khách hàng cá nhân vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Chứng từ Khách hàng cần cung cấp
1	Khách hàng là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ(1) hoặc là đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ?	☐ Có	Mẫu W-9; Khách hàng không cần trả lời các câu tiếp theo.
		☐ Không	Khách hàng trả lời các câu hỏi tiếp theo.
2	Khách hàng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ(2)?	☐ Có	Mẫu W-8BEN.
		☐ Không	

Ghi chú:

- *(1) Đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ bao gồm: đối tượng có thẻ xanh hoặc cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong giai đoạn 3 năm, bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó.*
- *(2) Khách hàng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ là người có một trong các dấu hiệu sau: nơi sinh tại Hoa Kỳ, địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ, có chỉ định định kỳ chuyển khoản vào một/các tài khoản tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một/các tài khoản mở tại Hoa kỳ, có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa kỳ, có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ.*

2. Khách hàng tổ chức vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Chứng từ Khách hàng cần cung cấp
1	Quốc gia nơi thành lập, quốc gia nơi đăng ký địa chỉ kinh doanh là Hoa Kỳ hoặc thuộc đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ?	☐ Có	Mẫu W-9; Khách hàng không cần trả lời các câu tiếp theo.
		☐ Không	Khách hàng trả lời các câu hỏi tiếp theo.
2	Khách hàng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ(2)?	☐ Có	Mẫu: W-8BEN-E/ W-8IY; Khách hàng không cần trả lời các câu tiếp
		☐ Không	Khách hàng trả lời các câu hỏi tiếp theo.
3	Có địa chỉ liên lạc hoặc địa chỉ khác tại Hoa Kỳ?	☐ Có	Mẫu: W-8BEN-E/ W-8IMY/ W-8ECI/ W-8EXP; Khách hàng không cần trả lời các câu tiếp theo.
		☐ Không	Khách hàng trả lời các câu hỏi tiếp theo.

4	a. Là tổ chức niêm yết?	☐ Có	Khách hàng trả lời tiếp câu 4b.
		☐ Không	Khách hàng trả lời tiếp câu 5.
	b. Là tổ chức niêm yết tại sàn chứng khoán US?	☐ Có	Mẫu W-8-BEN-E.
		☐ Không	Khách hàng không cần trả lời câu tiếp theo.
5	Có cá nhân/tổ chức người Hoa Kỳ trực tiếp/ gián tiếp sở hữu hơn 10%?	☐ Có	Mẫu W-8-BEN-E.
		☐ Không	

Ghi chú:

- *(3) Tổ chức tài chính: là bất kỳ tổ chức nào có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, và/hoặc bảo hiểm nhân thọ. Ví dụ: Ngân hàng, công ty bảo hiểm, Ngân hàng lưu ký, Quỹ đầu tư,…*
- *(4) Tổ chức tín thác: là những thỏa thuận tín thác thực hiện nắm giữ và kiểm soát tài sản vì lợi ích của người khác. Quỹ tín thác là quỹ chuyên nghiệp được quản lý bởi ngân hàng, tổ chức lưu ký, công ty bảo hiểm hoặc một tổ chức quản lý tư vấn đầu tư*

Bằng cách trả lời các câu hỏi ở Mục D và ký xác nhận vào **Đề nghị kiêm Hợp Đồng Mở Tài Khoản và Đăng Ký Dịch Vụ** này, Khách hàng cam đoan các thông tin được kê khai là chính xác và hoàn chỉnh. Khách hàng cam kết sẽ thông báo cho CVS ngay khi có sự thay đổi về các thông tin đã kê khai như trên.

Khách hàng có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình. Nhân viên CVS không trực tiếp giúp khách hàng khai về tình trạng FATCA.

Trong trường hợp Khách hàng thuộc diện phải cung cấp bộ tài liệu chứng minh FATCA, Khách hàng cam kết cung cấp các biểu mẫu được điền đầy đủ và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của CVS trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Khách hàng vui lòng truy cập website http://www.irs.gov/Forms-&-Pubs để tải về, in và điền vào form thích hợp. Trường hợp Khách hàng không cung cấp bộ tài liệu FATCA trong vòng chín mươi (90) ngày cho CVS thì tài khoản của Khách hàng này được phân loại là “Tài khoản chống đối”.

Khách hàng đồng ý cho CVS truy cập tất cả các thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách hàng. Đồng thời, cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Khách hàng, theo đây, đồng ý cho CVS báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan thuế có thẩm quyền, theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA.

E. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

I. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ chung

1.1. **SGDCK** là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("**HOSE**") và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác được phép thành lập hợp pháp tại Việt Nam.

1.2. **Sự kiện bất khả kháng** có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây, mà làm cho bất kỳ bên nào hoặc các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo các điều khoản này, như là sự ngăn cấm hay hành động của Chính phủ hoặc cơ quan công quyền, bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngừng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác, và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các bên.

1.3. **TKGD** hoặc **Tài khoản giao dịch** là các tài khoản giao dịch mà Khách hàng mở tại CVS, bao gồm TKGDCK, TKGDKQ và TKGDCKPS.

1.4. **TKGDCK** hoặc **Tài khoản thông thường** là tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường mà Khách hàng mở tại CVS để giao dịch chứng khoán.

1.5. **TKGDKQ** hoặc **Tài khoản ký quỹ** là tài khoản giao dịch ký quỹ mà Khách hàng mở tại CVS để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán.

1.6. **TTLKCK** là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("**VSD**") hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.

1.7. **UBCKNN** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.8. **Chứng khoán** là tài sản, bao gồm các loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác được quy định theo Luật Chứng khoán hiện hành. Chứng khoán có thể đã được niêm yết, hoặc đăng ký giao dịch hoặc chưa niêm yết (CKCNY) tại SGDCK.

Điều 2. Cách thức đặt lệnh

Khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch chứng khoán, giao dịch ký quỹ qua các cách thức sau:

2.1. Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của CVS bằng cách nộp Phiếu lệnh giao dịch đã điền đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của CVS; hoặc.

2.2. Đặt lệnh qua các phương thức giao dịch trực tuyến đăng ký tại Phần B của Hợp đồng.

2.3. Trường hợp CVS có quy định về phương thức giao dịch, giá giao dịch, chuyển quyền sở hữu chứng khoán, cách thức thanh toán tiền mua bán chứng khoán và các vấn đề khác có liên quan và đã công bố trên website của CVS thì các quy định này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 3. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của Khách hàng

3.1. Thừa nhận rằng, CVS đã thông báo đầy đủ về chức năng, giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn điều lệ và người đại diện ký Hợp đồng của Công ty.

3.2. Cam kết chỉ sử dụng thông tin để mở một TKGD tại CVS và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của những thông tin do Khách hàng cung cấp cho CVS. Trong đó, Khách hàng đồng ý rằng trường hợp các thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về tài khoản nhận trái tức, cổ tức,…) trên các Hợp đồng, xác nhận khác như Hợp đồng mua bán CKCNY, các Hợp đồng dịch vụ khác đã ký với CVS trước ngày ký Hợp đồng này khác với thông tin tại Hợp đồng này, thì các thông tin trên Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

3.3. Khách hàng cam kết không thuộc những đối tượng bị cấm giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật nếu Khách hàng mở TKGDKQ.

3.4. Cam kết đã và sẽ tìm hiểu, tuân thủ quy định về giao dịch chứng khoán của UBCKNN, SGDCK và các quy định khác có liên quan.

3.5. Thông báo cho CVS khi có thay đổi về khả năng tài chính, khả năng chịu đựng rủi ro, thông tin của Khách hàng so với nội dung đã cung cấp cho CVS và khi trở thành hoặc không còn là các đối tượng công bố thông tin. Khi cập nhật thông tin, CVS được phép xem là các thông tin trên không có thay đổi nếu không nhận được thông báo thay đổi từ phía Khách hàng. CVS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những thiệt hại phát sinh do sự thay đổi thông tin mà Khách hàng không thông báo cho CVS.

3.6. Cam kết thực hiện thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, trước khi thực hiện giao dịch các mã chứng khoán mà khách hàng đã đăng ký là đối tượng công bố thông tin, hoặc theo yêu cầu của CVS trong trường hợp CVS xử lý bán chứng khoán do Khách hàng vi phạm các quy định về: (i) Giao dịch ký quỹ của CVS (trường hợp Khách hàng mở TKGDKQ); hoặc (ii) cho vay cầm cố chứng khoán của Ngân hàng (nếu có).

3.7. Các lệnh giao dịch chứng khoán trên TKGD là một phần không tách rời của Hợp đồng. Lệnh giao dịch trên TKGDKQ được phân biệt với lệnh giao dịch trên TKGDCK thông qua số hiệu tài khoản. Khi ký tên vào Phiếu lệnh giao dịch chứng khoán hoặc đặt lệnh giao dịch chứng khoán thông qua các phương thức giao dịch từ xa, giao dịch trực tuyến hoặc khi thực hiện các giao dịch chứng khoán tại CVS; hoặc khi Khách hàng xác nhận lệnh qua các kênh giao dịch trực tuyến (email, điện thoại ghi âm, các kênh giao dịch trực tuyến do CVS quy định tại từng thời điểm), Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị CVS thực hiện dịch vụ cho mình và Khách hàng chấp nhận kết quả giao dịch do CVS thực hiện theo lệnh giao dịch của Khách hàng.

3.8. Khi ủy quyền cho người khác ký vào Phiếu lệnh giao dịch chứng khoán hoặc đặt lệnh thông qua các phương thức giao dịch chứng khoán từ xa, giao dịch trực tuyến hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch chứng khoán tại CVS hoặc thực hiện giao dịch trực tuyến trên TKGD, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng về việc ủy quyền này và chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ phát sinh do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền. Việc uỷ quyền đối với TKGD sẽ bao gồm cả TKGDCK, TKGDKQ trừ khi Khách hàng có quy định khác và được nêu rõ trong văn bản uỷ quyền.

3.9. Thanh toán các khoản giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ lưu ký, giá sử dụng các dịch vụ Khách hàng đã đăng ký sử dụng (bao gồm và không giới hạn giá dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; giá dịch vụ giao dịch trực tuyến), giá dịch vụ chậm trả và các khoản giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật và thông báo của CVS. CVS có thể ấn định một hoặc nhiều khoản giá dịch vụ và công bố trên website của CVS hoặc thông báo đến Khách hàng sử dụng dịch vụ của CVS.

3.10. Thường xuyên kiểm tra số dư tiền, chứng khoán và sao kê giao dịch trên TKGD.

3.11. Thông báo kịp thời cho CVS những sai sót, nhầm lẫn trên TKGD của khách hàng, hợp tác cùng CVS hoàn trả cho chủ sở hữu những khoản ghi có và được hoàn trả những khoản ghi nợ mà không phải là của Khách hàng do sai sót hay nhầm lẫn.

3.12. Khi đăng ký sử dụng các dịch vụ mà CVS cung cấp qua hệ thống giao dịch trực tuyến, Khách hàng được xem như đồng ý chấp nhận các điều khoản, điều kiện sử dụng theo Mục IV Phần E Hợp đồng này.

3.13. Khách hàng đồng ý rằng, CVS có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại giá dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do CVS cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là CVS sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do CVS lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của CVS, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của CVS) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thì Khách hàng phải thông báo cho CVS bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với CVS và/hoặc đóng TKGD.

3.14. Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy định khác được áp dụng.

3.15. Được CVS thông báo về kết quả thực hiện các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trong TKGD của Khách hàng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Khách hàng. Khách hàng mặc nhiên chấp nhận các giao dịch đã phát sinh nếu Khách hàng không có ý kiến phản đối trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo.

3.16. Các cam kết, quyền và nghĩa vụ khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các ủy quyền chung của Khách hàng cho CVS

4.1. Khách hàng ủy quyền cho CVS và CVS có quyền dùng tiền trên TKGD mà Khách hàng mở tại CVS để thực hiện thanh toán cho các khoản tiền lãi, giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí và các khoản khác theo quy định của pháp luật đối với các giao dịch do CVS và/hoặc bên thứ ba thực hiện theo lệnh của Khách hàng.

4.2. Khách hàng ủy quyền cho CVS và CVS có quyền điều chỉnh các giao dịch tiền hạch toán sai và/hoặc nhầm khi CVS có cơ sở để xác định được giao dịch hoặc việc hạch toán đó là không chính xác mà không cần được sự đồng ý trước của Khách hàng.

4.3. Khách hàng ủy quyền cho CVS thực hiện việc lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng theo đúng quy định của TTLKCK nhằm phục vụ cho các giao dịch của Khách hàng trên các tài khoản mà Khách hàng mở tại CVS.

4.4. Khách hàng ủy quyền cho CVS, vào ngày CVS xác nhận giao dịch thành công CKCNY qua các kênh giao dịch trực tuyến, được tự động (i) trích tiền từ TKGDCK khi Khách hàng mua CKCNY hoặc thanh toán tiền mua chứng khoán khi Khách hàng bán CKCNY vào TKGDCK, và (ii) thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

4.5. Khách hàng ủy quyền cho CVS được tự động trích/giữ lại một phần số dư và/hoặc ghi nhận nợ trên TKGD của Khách hàng để thu các loại giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí theo Điều 3.9 của Hợp đồng và lãi phát sinh trên TKGD của Khách hàng theo biểu giá và lãi suất được công bố trên website của CVS tại từng thời điểm hoặc theo quy định của pháp luật.

4.6. Các ủy quyền khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này.

Điều 5. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của CVS

5.1. Trường hợp CVS phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin về giao dịch trực tuyến khác ngoài dịch vụ giao dịch trực tuyến theo Phần B và Mục IV Phần E của Hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, CVS sẽ cung cấp dịch vụ, gửi các thông tin liên quan đến TKGD của Khách hàng hoặc các thông báo khác cho Khách hàng thông qua bất kỳ hoặc toàn bộ các phương thức này qua email, SMS, fax, web chat,... mà Khách hàng đã nêu tại Hợp đồng. Việc cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này không phải là điều kiện bắt buộc đối với CVS trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng. CVS sẽ cung cấp dịch vụ này theo quyết định và khả năng của CVS tùy từng thời điểm.

5.2. Hưởng giá dịch vụ đối với các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu giá công bố hoặc theo thỏa thuận với Khách hàng.

5.3. Trừ các trường hợp được quy định tại Hợp đồng và quy định pháp luật liên quan, không sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có yêu cầu hoặc ủy quyền của Khách hàng.

5.4. Thông báo kết quả giao dịch, số dư tài khoản theo yêu cầu của Khách hàng.

5.5. Không phụ thuộc vào việc Khách hàng thông báo cho CVS những sai sót và nhầm lẫn trên bất kỳ TKGD nào của Khách hàng theo Điều 3.11 của Hợp đồng, CVS được quyền tự động điều chỉnh các giao dịch tiền hạch toán sai và/hoặc nhầm khi CVS có cơ sở để xác định được giao dịch hoặc việc hạch toán đó là không chính xác mà không cần được sự đồng ý trước của Khách hàng.

5.6. Không được chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp được quy định tại Hợp đồng.

5.7. Trong trường hợp CVS bị đình chỉ hoạt động, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ, điều chỉnh rút nghiệp vụ môi giới, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động, CVS sẽ thực hiện thủ tục chuyển khoản toàn bộ chứng khoán (đối với TKGDCK thông thường, TKGDCK ký quỹ) của Khách hàng sang công ty chứng khoán hoặc thành viên bù trừ khác theo chỉ định của Khách hàng sau khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Khách hàng, các hồ sơ có liên quan đối với trường hợp Khách hàng đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, lãi, giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí, nghĩa vụ khác cho CVS và/hoặc CVS thực hiện các phương thức xử lý khác phù hợp quy định của Hợp đồng và pháp luật.

5.8. Tuân thủ các quy định, hướng dẫn của UBCKNN, quy chế của VSD, SGDCK trong việc thực hiện nghiệp vụ giao dịch Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.

5.9. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

6.1. Hợp đồng có thể được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Hai bên thỏa thuận bằng văn bản;

b. Khách hàng đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho CVS trước ít nhất năm (05) ngày làm việc hoặc phương thức khác do CVS thông báo tại từng thời kỳ với điều kiện là Khách hàng đã thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, dư nợ, giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí cho CVS;

c. CVS đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Khách hàng trước ít nhất năm (05) ngày làm việc theo quyết định của CVS tùy từng thời điểm;

d. Khách hàng là cá nhân đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố chết hoặc mất tích hoặc Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất. Việc xử lý các vấn đề phát sinh từ Hợp đồng trước thời điểm xảy ra các sự kiện chấm dứt hợp đồng quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật;

e. CVS chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

f. CVS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây sau khi có văn bản thông báo cho Khách hàng trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất hai (02) ngày làm việc khi:

(i) Khách hàng thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

(ii) Khách hàng vi phạm các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng và không khắc phục khi có yêu cầu bằng văn bản của CVS;

(iii) Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, đóng cửa thị trường chứng khoán trong thời gian kéo dài trùng với thời gian hai bên thực hiện Hợp đồng;

(iv) Khách hàng cá nhân hoặc nhân viên của Khách hàng tổ chức vi phạm nội quy về trật tự, an toàn tại các điểm giao dịch và không khắc phục sau khi có nhắc nhở của CVS;

(v) Thuộc các trường hợp phải chấm dứt Hợp đồng theo quyết định của CVS tùy từng thời điểm hoặc theo quy định của pháp luật;

g. Các trường hợp chấm dứt khác quy định trong từng điều khoản và điều kiện riêng của các dịch vụ do CVS cung cấp (nếu có).

6.2. Trong mọi trường hợp, khi Hợp đồng chấm dứt, các bên cam kết hoàn tất các nghĩa vụ đã phát sinh và hỗ trợ nhau để thanh lý Hợp đồng đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản khác

7.1. Cam kết tự nguyện ký kết. Khách hàng và CVS công nhận đã xem toàn bộ Hợp đồng này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này, hai bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cam kết sau đây:

a. Những thông tin của các bên trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b. Đã xem xét kỹ, hiểu rõ nội dung Hợp đồng, biết rõ về chứng khoán mua/bán;

c. Việc ký kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

d. Khách hàng đã được CVS tư vấn, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến cách thức giao dịch chứng khoán và các dịch vụ cung cấp bởi CVS; được giải thích và/hoặc chia sẻ rõ về các rủi ro, thiệt hại phát sinh khi thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán nếu Khách hàng mở TKGDKQ, và đồng ý chấp nhận các rủi ro đó khi ký tên vào Hợp đồng; bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro, thiệt hại dưới đây:

(i) Biến động giá chứng khoán hoặc giá tài sản cơ sở;

(ii) Bổ sung Tài sản bảo đảm, bán chứng khoán trên TKGDKQ (nếu có) khi nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung;

(iii) Tài khoản Khách hàng có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý khi Khách hàng mất khả năng thanh toán và/hoặc vi phạm các quy định của Hợp đồng;

(iv) Rủi ro phát sinh từ các giao dịch trực tuyến;

(v) Các rủi ro khác có thể phát sinh trong quá trình giao dịch.

e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận và cam kết đã ghi trong Hợp đồng này.

7.2. Mỗi bên cam kết sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin có được từ Hợp đồng, và sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau:

a. Một bên tiết lộ thông tin khi được sự đồng ý của bên kia bằng văn bản;

b. CVS được phép tiết lộ thông tin của Hợp đồng này và thông tin của Khách hàng với (i) đối tác như ngân hàng, đơn vị kiểm toán hoặc bên thứ ba khi kết nối, hợp tác cung cấp dịch vụ cho CVS để CVS đảm bảo cung cấp, duy trì và cải thiện dịch vụ cho Khách hàng; hoặc (ii) đơn vị nhận Tài sản bảo đảm là tài khoản hoặc chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng từ Khách hàng và được CVS cung cấp dịch vụ phong tỏa, giải tỏa, xử lý Tài sản bảo đảm theo yêu cầu phong tỏa của Khách hàng;

c. Một bên phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy định về bảo mật tại Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

7.3. Một bên không được phép chuyển nhượng cho bất kỳ người nào khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. CVS được phép chuyển giao Hợp đồng này cho bên thứ ba do quá trình hợp nhất, sáp nhập, hoặc các trường hợp khác mà không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của Khách hàng sau khi có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng mà không cần phải được sự chấp thuận của Khách hàng.

7.4. Trường hợp do có sự thay đổi về pháp luật làm cho một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng trở thành vô hiệu, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, hai bên cam kết nghiêm chỉnh tiếp tục thực hiện.

7.5. Hợp đồng được hiểu và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt. Số lượng trọng tài viên giải quyết tranh chấp là ba (03) người. Chi phí tố tụng sẽ do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm và ràng buộc trách nhiệm Các Bên.

7.6. Đồng tiền được áp dụng trong thanh toán và Giao dịch chứng khoán quy định tại Hợp đồng này là Đồng Việt Nam (VNĐ).

7.7. Hợp đồng chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản có chữ ký của các bên trong Hợp đồng, trừ các trường hợp được phép sửa đổi, bổ sung theo thông báo của CVS được quy định cụ thể tại Hợp đồng. Các sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

7.8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, có giá trị thay thế các hợp đồng mở tài khoản giữa CVS và Khách hàng đã ký trước ngày của Hợp đồng này kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN THÔNG THƯỜNG

Điều 8. Mở và sử dụng TKGDCK để giao dịch chứng khoán

8.1. Bằng việc ký tên vào Hợp đồng, Khách hàng đề nghị CVS mở TKGDCK đứng tên Khách hàng tại CVS.

8.2. CVS cung cấp các dịch vụ theo Hợp đồng này bao gồm:

a. Mở TKGDCK;

b. Lưu ký chứng khoán, thực hiện các quyền lợi hợp pháp gắn liền với chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Khách hàng;

c. Quản lý tiền của Khách hàng trong TKGDCK (chỉ áp dụng cho TKGDCK Loại 1);

d. Quản lý chứng khoán của Khách hàng trong TKGDCK;

e. Đặt lệnh giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng, cung cấp các kênh xác nhận lệnh (CVS quy định tại từng thời điểm), kết quả giao dịch và bảng sao kê số dư tiền gửi, số dư chứng khoán (áp dụng cho TKGDCK Loại 1) hoặc bảng sao kê số dư chứng khoán (áp dụng cho TKGDCK Loại 2) khi Khách hàng có yêu cầu;

f. Thanh toán bù trừ đối với các giao dịch chứng khoán phát sinh trên TKGDCK;

g. Các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 9. Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán được áp dụng

Khách hàng đồng ý ủy quyền cho CVS thực hiện các hoạt động sau:

9.1. Trường hợp Khách hàng mở TKGDCK Loại 1: Khách hàng phải có số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán trong TKGDCK tương ứng 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

9.2. Trường hợp Khách hàng mở TKGDCK Loại 2: Khách hàng có trách nhiệm hoặc ủy quyền CVS yêu cầu ngân hàng thanh toán thực hiện phong tỏa số dư tiền trong TKGDCK của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

Điều 10. Lãi suất trên số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán

Khách hàng mở TKGDCK Loại 1 được nhận lãi tiền gửi căn cứ trên số dư tiền và lãi suất do CVS công bố theo từng thời điểm.

Điều 11. Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn

Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho CVS được quyền tự động trích và/hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán sử dụng tiền trong TKGDCK, tài khoản thanh toán của Khách hàng, chọn và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định tại Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại thuế áp dụng, giá dịch vụ, các loại phí, lệ phí khác có liên quan và tiền phạt (tương đương với lãi chậm trả) theo quy định của CVS khi Khách hàng vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của CVS. Trong trường hợp số dư tiền và/hoặc chứng khoán của Khách hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, CVS có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 12. Các ủy quyền của Khách hàng cho CVS

Khách hàng đồng ý ủy quyền cho CVS thực hiện các hoạt động sau:

12.1. Đối với TKGDCK Loại 1:

a. Truy cập vào TKGDCK của Khách hàng để kiểm tra số dư tiền khi Khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán.

b. Tự động trích tiền trong TKGDCK của Khách hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với giá dịch vụ phát sinh theo quy định của CVS và các khoản thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh theo quy định của CVS hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c. Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.

d. Thu tiền bán chứng khoán và chuyển số tiền này vào TKGDCK của Khách hàng.

12.2. Đối với TKGDCK Loại 2:

a. Đề nghị Ngân hàng thanh toán cung cấp thông tin, xác nhận về khả năng thanh toán của Khách hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán và yêu cầu Ngân hàng thanh toán phong toả số dư trong tài khoản thanh toán của Khách hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán Khách hàng đặt lệnh mua, giá dịch vụ và các khoản thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh có liên quan.

b. Yêu cầu Ngân hàng thanh toán trích tiền trong tài khoản thanh toán của Khách hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với giá dịch vụ phát sinh theo quy định của CVS và các khoản thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phát sinh theo quy định của CVS hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c. Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.

d. Cung cấp thông tin trên TKGDCK của Khách hàng bao gồm thông tin Khách hàng, thông tin tài khoản, số dư tiền, chứng khoán, lịch sử giao dịch và các thông tin khác liên quan đến hoạt động giao dịch trên TKGDCK của Khách hàng cho Ngân hàng nơi Khách hàng mở Tài khoản thanh toán.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

13.1. Sở hữu và thực hiện các quyền của người sở hữu đối với:

a. Chứng khoán và các quyền, lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ chứng khoán lưu ký tại CVS;

b. Tiền và các quyền, lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ tiền gửi tại CVS (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1).

13.2. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Mục I Phần E Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của CVS

14.1. Được phép trích tiền gửi trên TKGDCK (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1) hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán trích tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Khách hàng để thanh toán các khoản giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí có liên quan vào ngày làm việc cuối cùng của tháng hoặc một ngày khác do CVS quyết định và thông báo cho Khách hàng. Nếu TKGDCK của Khách hàng không có đủ tiền để thanh toán thì CVS được quyền tính lãi đối với số tiền còn thiếu.

14.2. Trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn, CVS có quyền đề nghị phong tỏa số chứng khoán có giá trị tương đương nghĩa vụ phải thanh toán trong TKGD của Khách hàng và bán số chứng khoán đã phong tỏa để trừ nợ nếu Khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn theo thông báo của CVS.

14.3. Thực hiện các giao dịch chứng khoán theo lệnh của Khách hàng.

14.4. Lưu giữ tiền của Khách hàng tại CVS theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với TKGDCK Loại 1).

14.5. Lưu giữ số dư chứng khoán của Khách hàng tại TKGDCK và TTLKCK.

14.6. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Mục I Phần E của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

III. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN KÝ QUỸ

Điều 15. Mở và sử dụng TKGDKQ

Bằng việc đăng ký TKGDKQ tại Phần A của Hợp đồng hoặc đăng ký với CVS tại từng thời điểm, với điều kiện CVS có đầy đủ chấp thuận, giấy phép cần thiết theo quy định nội bộ và của pháp luật, Khách hàng đề nghị CVS và CVS đồng ý cung cấp các dịch vụ sau đây:

15.1. Mở TKGDKQ;

15.2. Quản lý tiền và chứng khoán của Khách hàng trong TKGDKQ;

15.3. Thực hiện giao dịch ký quỹ theo yêu cầu của Khách hàng;

15.4. Cho Khách hàng vay trong hạn mức quy định của CVS và trong phạm vi pháp luật cho phép để Khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ;

15.5. Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng theo ủy quyền của Khách hàng;

15.6. Các dịch vụ khác được pháp luật cho phép tùy từng thời điểm và theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 16. Định nghĩa thuật ngữ

16.1. **Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ** là chứng khoán được giao dịch ký quỹ theo quy định của CVS tùy từng thời điểm.

16.2. **Dư nợ ký quỹ** là tổng số tiền Khách hàng nợ CVS trên TKGDKQ.

16.3. **Giá thị trường** có thể là giá đóng cửa cuối phiên giao dịch hoặc giá tham chiếu đầu phiên giao dịch hoặc giá khớp lệnh gần nhất trong phiên giao dịch của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ và có thể được điều chỉnh giảm theo quy định của CVS.

16.4. **Tài sản thực có** là phần vốn của Khách hàng trên TKGDKQ bằng Tổng tài sản bảo đảm trên TKGDKQ trừ đi Dư nợ ký quỹ.

16.5. **Tổng tài sản bảo đảm** trên TKGDKQ bao gồm nhưng không giới hạn tiền, tiền bán chứng khoán đang chờ về, tiền cổ tức chờ về cộng với giá trị các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ trên TKGDKQ tính theo giá thị trường.

16.6. **Tỷ lệ ký quỹ** là tỷ lệ giữa giá trị tài sản thực có so với Tổng tài sản bảo đảm trên TKGDKQ tính theo giá thị trường.

16.7. **Tỷ lệ ký quỹ ban đầu** là tỷ lệ tối thiểu giữa Tài sản thực có (trước khi thực hiện giao dịch) so với giá trị chứng khoán dự kiến mua bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch.

16.8. **Tỷ lệ ký quỹ duy trì** là tỷ lệ tối thiểu giữa Tài sản thực có so với giá trị Tổng tài sản bảo đảm trên TKGDKQ tính theo giá thị trường.

16.9. **Tỷ lệ ký quỹ xử lý** là tỷ lệ giữa Tài sản thực có so với Tổng tài sản bảo đảm theo giá thị trường mà tại mức bằng hoặc thấp hơn mức này CVS có quyền xử lý Tài sản bảo đảm để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ duy trì và/hoặc thu hồi Dư nợ ký quỹ.

16.10. **Thời điểm quá hạn khoản vay** là một trong hai thời điểm sau tùy thời điểm nào đến trước:

a. Ngày liền sau ngày hết hạn Thời hạn thanh toán mà Khách hàng không thực hiện thanh toán khoản vay đúng Thời hạn thanh toán hoặc Thời hạn gia hạn theo quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Hợp đồng; hoặc

b. Ngày liền sau ngày hết hạn Thời hạn yêu cầu theo thông báo của CVS khi Khách hàng vi phạm Tỷ lệ ký quỹ duy trì mà không bổ sung Tài sản bảo đảm trong Thời hạn yêu cầu quy định tại Điều 20.2.a của Hợp đồng hoặc vi phạm Tỷ lệ ký quỹ xử lý.

Điều 17. Tài sản bảo đảm

17.1. Khách hàng đồng ý rằng tiền và chứng khoán đang có và sẽ phát sinh liên quan đến tiền và chứng khoán đó trên TKGDKQ sẽ tự động trở thành Tài sản bảo đảm bao gồm nhưng không giới hạn:

a. Tiền, tiền bán chứng khoán chờ về; tiền cổ tức chờ về;

b. Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hoặc

c. Chứng khoán khác do UBCKNN công bố tùy từng thời điểm.

17.2. Khách hàng cam kết rằng:

a. Tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Khách hàng và theo quy định của pháp luật, Khách hàng có toàn quyền sử dụng để tham gia giao dịch ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ của Khách hàng đối với CVS theo quy định tại Hợp đồng;

b. Tài sản bảo đảm không thuộc đối tượng của các giao dịch cho, tặng, thừa kế, cho mượn, góp vốn hoặc tham gia vào các giao dịch bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác; không bị tranh chấp hoặc tiềm tàng khả năng tranh chấp về quyền sở hữu; và

c. Tài sản bảo đảm được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ CVS để thực hiện giao dịch ký quỹ.

17.3. Giá trị Tài sản bảo đảm được xác định theo quy định của CVS. Giá trị Tài sản bảo đảm được CVS đánh giá và điều chỉnh thường xuyên vào các ngày giao dịch bình thường của SGDCK.

17.4. Trường hợp phải xử lý Tài sản bảo đảm theo Điều 21 của Hợp đồng hoặc các trường hợp phải xử lý Tài sản bảo đảm khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, nếu số tiền thu được từ xử lý Tài sản bảo đảm lớn hơn giá trị Tài sản bảo đảm được CVS xác định vào lần gần nhất trước khi xử lý Tài sản bảo đảm thì CVS được quyền sử dụng toàn bộ số tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Khách hàng đối với CVS.

17.5. Trường hợp có phát sinh chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ theo quy định của CVS tùy từng thời điểm, CVS có quyền không tính chứng khoán đó vào giá trị Tài sản bảo đảm và được quyền ngừng cho vay và thực hiện các quy định tại Điều 20.2 của Hợp đồng.

Điều 18. Giao dịch chứng khoán trên TKGDKQ

18.1. **Ký quỹ**: Khách hàng phải cung cấp tiền mặt hoặc chứng khoán thuộc danh mục được phép giao dịch ký quỹ theo quy định của CVS tùy từng thời điểm có giá trị đáp ứng Tỷ lệ ký quỹ ban đầu vào TKGDKQ khi thực hiện mua chứng khoán.

18.2. **Giao dịch**:

a. Khách hàng chỉ được thực hiện giao dịch ký quỹ đối với Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.

b. Thực hiện giao dịch ký quỹ: Khi Khách hàng thực hiện giao dịch trên TKGDKQ, CVS sẽ:

(i) Ngay lập tức khấu trừ toàn bộ tiền khả dụng trong TKGDKQ để thanh toán giao dịch ký quỹ;

(ii) Trường hợp tiền khả dụng trong TKGDKQ không đủ để thanh toán giá trị mua Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, CVS sẽ cấp cho Khách hàng khoản vay trong phạm vi hạn mức do CVS quy định tùy từng thời điểm ("Hạn mức tín dụng").

(iii) CVS sẽ thường xuyên điều chỉnh Hạn mức tín dụng căn cứ trên giá thị trường của Tài sản bảo đảm do SGDCK công bố vào các ngày giao dịch bình thường.

c. Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán và các quy định của CVS tùy từng thời điểm.

Điều 19. Thời hạn thanh toán khoản vay và Dư nợ ký quỹ

19.1. Thời hạn thanh toán các khoản vay tương ứng với từng Giao dịch ký quỹ của khách hàng không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày CVS giải ngân tiền vào TKGDKQ và/hoặc thời hạn được gia hạn ("**Thời hạn thanh toán**"). Trường hợp ngày hết hạn Thời hạn thanh toán không phải là ngày làm việc theo quy định của pháp luật Việt Nam thì ngày hết hạn Thời hạn thanh toán là ngày làm việc liền sau đó. Thời hạn thanh toán có thể thay đổi theo quy định của CVS tùy từng thời điểm.

19.2. Thời hạn thanh toán có thể được gia hạn theo đề nghị của Khách hàng và được CVS chấp thuận. Mỗi lần được gia hạn sẽ không quá chín mươi (90) ngày tiếp theo kể từ ngày hết hạn Thời hạn thanh toán.

19.3. Dư nợ ký quỹ bao gồm:

a. Tổng các khoản cho vay của CVS để thực hiện các giao dịch mua ký quỹ.

b. Tiền lãi vay phát sinh trên các khoản vay:

(i) Công thức tính tiền lãi vay:

Tiền lãi vay = Khoản cho vay của CVS x Lãi suất cho vay do CVS quy định tùy từng thời điểm x Số ngày bắt đầu từ ngày CVS giải ngân tiền vào TKGDKQ tới khi Khách hàng thực hiện tất toán khoản vay.

Lãi suất cho vay được đề cập tại công thức này nếu được CVS thay đổi sẽ được áp dụng trên các khoản vay kể từ ngày thay đổi, bất kể các khoản vay đó phát sinh trước hay sau ngày thay đổi.

(ii) Bất kể quy định tại Điều 19.1của Hợp đồng, Tiền lãi vay được CVS khấu trừ trực tiếp trên TKGDKQ vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng.

(iii) Trường hợp TKGDKQ không đủ tiền khả dụng để thanh toán Tiền lãi vay vào ngày cuối cùng hàng tháng, Tiền lãi vay sẽ tự động trở thành khoản cho vay thêm của CVS ("**Khoản vay thêm**"). Khi đó, Thời hạn thanh toán Khoản vay thêm này không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày làm việc cuối cùng hàng tháng và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho CVS các khoản phải trả liên quan đến Khoản vay thêm như quy định tại Điều 19.3 của Hợp đồng.

c. Các loại giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí theo Điều 3.9 của Hợp đồng.

Trường hợp Khách hàng không thanh toán các loại giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí này đúng thời hạn do CVS quy định, khoản giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí không thanh toán đúng hạn sẽ trở thành khoản vay thêm của Khách hàng ("**Nợ Phí/ Nợ Giá dịch vụ**") kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán ("**Ngày phát sinh Nợ Phí/ Nợ Giá dịch vụ**"). Khi đó, Thời hạn thanh toán Nợ Phí/ Nợ Giá dịch vụ này không quá chín mươi (90) ngày kể từ Ngày phát sinh Nợ Phí/Nợ Giá dịch vụ và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho CVS các khoản phải trả liên quan đến Nợ Phí/ Nợ Giá dịch vụ như quy định tại Điều 19.3 của Hợp đồng, trừ khi CVS có quy định khác.

d. Tiền lãi cho khoản vay quá hạn:

(i) Bất kể quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.3.b.(i) của Hợp đồng, nếu Khách hàng không thanh toán các khoản vay cho CVS đúng Thời hạn thanh toán ("**Khoản vay quá hạn**"), Khách hàng có trách nhiệm thanh toán **thêm** cho CVS:

Tiền lãi quá hạn = Khoản vay quá hạn x150% x lãi suất cho vay do CVS quy định tại thời điểm quá hạn x Số ngày quá hạn tính từ Thời điểm hết hạn khoản vay cho đến ngày Khách hàng thực hiện tất toán khoản vay.

Lãi suất cho vay được đề cập tại công thức này nếu được CVS thay đổi sẽ được áp dụng trên Khoản vay quá hạn kể từ ngày thay đổi, bất kể Khoản vay quá hạn đó phát sinh trước hay sau ngày thay đổi.

(ii) Trường hợp TKGDKQ không đủ tiền khả dụng để thanh toán Tiền lãi quá hạn vào ngày làm việc cuối cùng hàng tháng, Tiền lãi quá hạn sẽ tự động trở thành Khoản vay thêm. Khi đó, Thời hạn thanh toán Khoản vay thêm này là chín mươi (90) ngày kể từ ngày thu lãi quá hạn và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho CVS các khoản phải trả liên quan đến Khoản vay thêm như quy định tại Điều 19.3 này.

19.4. Cách thức thanh toán Dư nợ ký quỹ và thuế:

a. Khách hàng nộp hoặc chuyển khoản tiền mặt vào TKGDKQ;

b. Khách hàng bán bất kỳ chứng khoán nào trên TKGDKQ:

(i) Nếu Khách hàng bán chứng khoán trước ngày hết hạn Thời hạn thanh toán và tiền bán chứng khoán sẽ về TKGDKQ sau ngày hết hạn Thời hạn thanh toán, CVS có quyền ứng trước tiền bán chứng khoán tại ngày hết hạn Thời hạn thanh toán để thu hồi Dư nợ ký quỹ;

(ii) Nếu Khách hàng bán chứng khoán sau ngày hết hạn Thời hạn thanh toán, CVS có quyền ứng trước tiền bán chứng khoán ngay ngày khớp lệnh bán chứng khoán thành công để thu hồi Dư nợ ký quỹ.

c. CVS chủ động khấu trừ toàn bộ tiền khả dụng trong TKGDKQ ngay tại thời điểm phát sinh cho đến khi Khách hàng thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ.

d. Bằng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho CVS tự động khấu trừ Dư nợ ký quỹ trực tiếp trên TKGDKQ hoặc yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền gửi thực hiện thanh toán Dư nợ ký quỹ mà Khách hàng không có quyền từ chối hoặc khiếu nại vì bất kỳ lý do gì.

e. Hết hạn Thời hạn thanh toán mà không có gia hạn nào được CVS chấp thuận, nếu Khách hàng chưa thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ và thuế, Khách hàng không được quyền tiếp tục sử dụng các khoản cho vay của CVS cho đến khi Dư nợ ký quỹ và thuế được thanh toán đầy đủ.

Điều 20. Tỷ lệ ký quỹ duy trì và lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung

20.1. Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Khách hàng cam kết duy trì trên TKGDKQ Tỷ lệ ký quỹ cao hơn hoặc bằng Tỷ lệ ký quỹ duy trì do CVS quy định tùy từng thời điểm và có thể áp dụng riêng cho từng Khách hàng theo thông báo của CVS.

20.2. Khi Tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Khách hàng và/hoặc CVS sẽ thực hiện các hành động sau để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ duy trì:

a. CVS sẽ phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi tới Khách hàng. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung Tài sản bảo đảm trong thời hạn do CVS yêu cầu nhưng không quá hai (02) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo thông báo của CVS tùy từng thời điểm) kể từ ngày CVS gửi lệnh gọi ký quỹ bổ sung (**"Thời hạn yêu cầu"**), Khách hàng phải thực hiện việc ký quỹ bổ sung dưới các hình thức sau:

(i) Ký quỹ bổ sung bằng tiền mặt được tính theo công thức:

Số tiền ký quỹ bổ sung= (Tỷ lệ ký quỹ duy trì - Tỷ lệ ký quỹ) × Tổng giá trị tài sản bảo đảm trên TKGDKQ tính theo giá thị trường

(ii) Ký quỹ bổ sung bằng chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ thuộc sở hữu của Khách hàng, giá trị chứng khoán ký quỹ bổ sung được tính theo công thức:

$$Giá\ trị\ chứng\ khoán\ ký\ quỹ\ bổ\ sung = \left|\frac{Tỷ\ lệ\ ký\ quỹ\ duy\ trì - Tỷ\ lệ\ ký\ quỹ}{1 - Tỷ\ lệ\ ký\ quỹ\ duy\ trì}\right| \times Tổng\ giá\ trị\ tài\ sản\ bảo\ đảm\ trên\ TKGDKQ\ tính\ theo\ giá\ thị\ trường$$

Nếu Tỷ lệ ký quỹ tiếp tục giảm trong Thời hạn yêu cầu thì CVS sẽ tiếp tục phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung cho Khách hàng nhưng không quá hai (02) ngày làm việc kể từ lần phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung đầu tiên và Khách hàng có trách nhiệm thực hiện việc ký quỹ bổ sung theo lệnh gọi ký quỹ được gửi vào lần gần nhất.

b. CVS được toàn quyền chủ động lưu chuyển bất kỳ tài sản nào có trên TKGDCK của Khách hàng mở tại CVS thuộc Danh mục Tài sản bảo đảm do CVS quy định về TKGDKQ nếu Khách hàng không thực hiện việc ký quỹ bổ sung theo Điều 20.2.a của Hợp đồng.

c. Khách hàng đặt bán chứng khoán trên TKGDKQ.

d. CVS có thể gửi lệnh gọi ký quỹ bổ sung tới Khách hàng qua SMS đến số điện thoại Khách hàng đã đăng ký với CVS và/hoặc qua email Khách hàng đã đăng ký với CVS. Khách hàng đồng ý rằng khi CVS đã thực hiện việc gửi lệnh gọi ký quỹ bổ sung theo một trong các phương thức trên nghĩa là CVS đã hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc phát lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung và CVS hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong trường hợp các phương tiện liên lạc do Khách hàng lựa chọn ở trên không nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung vì bất cứ lý do gì.

20.3. Khách hàng không được quyền tiếp tục sử dụng các khoản cho vay của CVS cho đến khi Tỷ lệ ký quỹ duy trì được đáp ứng.

Điều 21. Xử lý Tài sản bảo đảm

21.1. Khách hàng không được quyền tiếp tục sử dụng các khoản cho vay của CVS và CVS được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chủ động và trực tiếp đặt bán bất kỳ chứng khoán nào có trên TKGDKQ với giá do CVS quyết định sau khi CVS gửi thông báo đến Khách hàng theo phương thức quy định tại Điều 20.2.d của Hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Khách hàng khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a. Khách hàng vi phạm Thời hạn thanh toán mà không khắc phục trong vòng hai (02) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do CVS quyết định tùy từng thời điểm kể từ ngày sau ngày hết hạn Thời hạn thanh toán;

b. Khách hàng không thực hiện việc ký quỹ bổ sung như quy định tại Điều 20.2.a của Hợp đồng;

c. Ngay khi xuất hiện Tỷ lệ ký quỹ bằng hoặc thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý do CVS quy định tùy từng thời điểm;

d. Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này ngoại trừ Điều 21.1.a, b, c nêu trên và không khắc phục trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm CVS thông báo về việc vi phạm đó;

e. CVS quyết định đơn phương ngừng cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ theo đánh giá rủi ro của mình;
f. Xảy ra các sự kiện nêu tại Điều 25.4 của Hợp đồng.

21.2. Khách hàng đồng ý rằng khi phải xử lý Tài sản bảo đảm theo quy định của Điều này, lệnh đặt bán chứng khoán của CVS sẽ được ưu tiên và khách hàng cho phép công ty chứng khoán sửa/hủy lệnh đặt bán chứng khoán của Khách hàng đã đặt trong cùng ngày giao dịch nếu có sự khác nhau giữa các lệnh và đồng ý rằng giá trị bán khớp lệnh có thể lớn hơn giá trị cần bán do giá đặt lệnh dự kiến khác so với giá khớp lệnh thực tế.

21.3. Trường hợp ép bán bất kỳ chứng khoán nào trên TKGDKQ nhưng vẫn không đảm bảo được Tỷ lệ ký quỹ duy trì hoặc thu hồi không đủ Dư nợ ký quỹ, bằng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho CVS bán hoặc thu hồi bất kỳ tài sản khác của Khách hàng hiện đang tham gia trong các dịch vụ do CVS cung cấp để thu hồi Dư nợ ký quỹ, đồng thời Khách hàng vẫn có trách nhiệm tiếp tục thực hiện thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ.

21.4. Trong các trường hợp ép bán chứng khoán nói trên, CVS có quyền thu hồi Dư nợ ký quỹ ngay trong ngày lệnh bán khớp thành công. Khách hàng có trách nhiệm thực hiện tất cả nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán ép bán như nghĩa vụ công bố thông tin đối với chứng khoán ép bán là đối tượng phải công bố thông tin trước khi thực hiện Giao dịch và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. CVS sẽ gửi cho Khách hàng kết quả giao dịch ép bán thành công sau khi kết thúc giao dịch.

21.5. Khách hàng được coi là đã thanh toán toàn bộ hoặc một phần Dư nợ ký quỹ khi CVS thu hồi Dư nợ ký quỹ theo quy định tại Điều này, phần Dư nợ ký quỹ còn thiếu (do CVS ép bán một phần Tài sản bảo đảm hoặc do bán toàn bộ Tài sản bảo đảm nhưng không đủ Dư nợ ký quỹ phải trả) là nợ phải trả của Khách hàng và sẽ được coi là đến hạn vào Thời điểm quá hạn khoản vay, đồng thời phần Dư nợ ký quỹ còn lại được xem là Khoản vay quá hạn và kể từ thời điểm kết thúc Thời hạn thanh toán Khách hàng sẽ phải chịu Tiền lãi cho Khoản vay quá hạn này theo quy định tại Điều 19.3.d của Hợp đồng. Khách hàng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho CVS đến khi không còn Dư nợ ký quỹ. Dư nợ ký quỹ thể hiện trên sao kê gửi cho Khách hàng sẽ được coi là chính xác, đã đối chiếu và được chấp thuận bởi Khách hàng và CVS, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng là có sự sai sót do tính toán.

Điều 22. Rút tiền mặt và chứng khoán

Trừ trường hợp được CVS chấp thuận, Khách hàng chỉ được phép rút tiền khả dụng và chứng khoán trong TKGDKQ với điều kiện Khách hàng đã thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ cho CVS.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

23.1. Khách hàng được sử dụng các khoản cho vay của CVS để mua chứng khoán ký quỹ trên TKGDKQ. Để tránh hiểu nhầm, việc CVS ký Hợp đồng này với Khách hàng không có nghĩa là CVS đồng ý cho Khách hàng vay để giao dịch ký quỹ.

23.2. Khách hàng được rút một phần hoặc toàn bộ Tài sản bảo đảm nếu Khách hàng đã thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ cho CVS.

23.3. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán Dư nợ ký quỹ và các loại giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí liên quan khác như quy định tại Điều 19 của Hợp đồng. Để tránh hiểu nhầm, Khách hàng vẫn có nghĩa vụ thanh toán Dư nợ ký quỹ ngay cả khi CVS đã ép bán toàn bộ Tài sản bảo đảm và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khác theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng mà vẫn chưa đủ bù đắp Dư nợ ký quỹ.

23.4. Được hưởng lãi tiền gửi căn cứ trên số dư tiền trên TKGDKQ theo lãi suất do CVS công bố theo từng thời điểm.

23.5. Được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ số chứng khoán trên TKGDKQ.

23.6. Thông báo cho CVS nếu mình là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ của tổ chức phát hành có chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ và cập nhật ngay cho CVS nếu có sự thay đổi. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không cung cấp thông tin hoặc không cập nhật thông tin này cho CVS.

23.7. Không được sửa, hủy lệnh đặt bán chứng khoán là Tài sản bảo đảm hoặc có hành động khác nhằm cản trở CVS thực hiện biện pháp xử lý Tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng.

23.8. Ngay khi ký Hợp đồng này, Khách hàng sẽ ký quỹ vào TKGDKQ của Khách hàng tiền mặt hoặc chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ có giá trị tối thiểu theo quy định của CVS tùy từng thời điểm.

23.9. Cam kết có đủ điều kiện và đã có đủ các chấp thuận, giấy phép cần thiết theo quy định nội bộ và của pháp luật (nếu có) để thực hiện Hợp đồng này.

23.10. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Mục I Phần E của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của CVS

24.1. Quyết định cho Khách hàng hoặc từ chối cho Khách hàng vay tiền để thực hiện các Giao dịch ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

24.2. Hưởng tiền lãi cho vay đối với số tiền CVS cho Khách hàng vay thực hiện giao dịch ký quỹ, giá dịch vụ cho các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo lãi suất và biểu giá được niêm yết tại CVS.

24.3. Được phép sử dụng số dư tiền trên TKGDKQ để thanh toán các khoản lãi và giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí nói trên.

24.4. Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh của Khách hàng, ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Hợp đồng.

24.5. Được quyền thay đổi danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, Danh mục Tài sản bảo đảm, Tỷ lệ ký quỹ tối thiểu, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Thời hạn thanh toán khoản vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và/hoặc các loại giá dịch vụ có liên quan theo từng thời điểm.

24.6. Tạm ngừng cho Khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ trong trường hợp CVS không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của CVS.

24.7. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại Mục I Phần E của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thông báo liên quan đến TKGDKQ; chấm dứt cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ; đóng TKGDKQ

25.1. Các thông tin về Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, Danh mục Tài sản bảo đảm, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Thời hạn thanh toán khoản vay, lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và/hoặc các loại giá dịch vụ có liên quan, các vấn đề khác và các thông tin thay đổi sẽ được CVS công bố tại website của CVS và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của CVS và/hoặc qua tin nhắn đến số điện thoại đã đăng ký của Khách hàng. Khách hàng và CVS đồng ý rằng, ngoại trừ các thông tin CVS thông báo cho Khách hàng theo phương thức quy định tại Điều 20.2. d của Hợp đồng, tại và sau thời điểm Khách hàng đăng ký mở TKGDKQ, các thông tin trên có giá trị pháp lý và là phần không tách rời của Hợp đồng này khi được công bố theo phương thức quy định tại Điều này.

25.2. Dịch vụ này chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a. Một trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng quy định tại Điều 6 của Hợp đồng;
b. Theo yêu cầu của Khách hàng sau khi Khách hàng đã thanh toán đầy đủ Dư nợ ký quỹ cho CVS hoặc khi Hợp đồng mở TKGDCK chấm dứt hiệu lực;
c. CVS không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định của pháp luật và không thể khắc phục và tiếp tục đáp ứng các điều kiện để được thực hiện giao dịch ký quỹ trong vòng sáu mươi (60) ngày.

25.3. CVS sẽ ngừng cung cấp mọi dịch vụ giao dịch ký quỹ theo Mục III Phần E của Hợp đồng vào ngày dự định chấm dứt cung cấp dịch vụ và tiến hành xử lý Dư nợ ký quỹ và/hoặc tài sản của Khách hàng trên TKGDKQ theo Thông báo chấm dứt Dịch vụ. Tài sản còn lại của Khách hàng trên TKGDKQ sau khi CVS đã xử lý xong các nghĩa vụ của Khách hàng theo các quy định Thông báo chấm dứt Dịch vụ sẽ được chuyển trả lại TKGDCK của Khách hàng.

25.4. CVS được toàn quyền thực hiện ngay việc xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi Dư nợ ký quỹ theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng mà không phụ thuộc vào di chúc hoặc cam kết về nghĩa vụ của Khách hàng với bất kỳ một bên thứ ba nào khác khi xảy ra một trong các trường hợp sau: Khách hàng cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, Khách hàng tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất. Tài sản còn lại của Khách hàng trên TKGDKQ sau khi CVS đã thực hiện xong việc thu hồi Dư nợ ký quỹ sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

IV. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC

Điều 26. Sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến

26.1. Bằng việc đăng ký Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và các Dịch vụ khác tại Phần B của Hợp đồng này, Khách hàng đề nghị CVS và CVS đồng ý cung cấp các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và các Dịch vụ Giao dịch trực tuyến này sẽ đương nhiên có hiệu lực áp dụng đối với tất cả các TKGD mà Khách hàng mở tại CVS.

26.2. CVS sẽ quy định và/hoặc điều chỉnh nội dung cụ thể của Dịch vụ mà CVS cho là hợp lý tùy từng thời điểm và công bố rộng rãi các nội dung này trên website của CVS.

26.3. Khách hàng được quyền đăng ký sử dụng các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và các dịch vụ khác mà CVS đang cung cấp hoặc sẽ cung cấp trong tương lai theo các hình thức mà CVS quy định tùy từng thời điểm. Sau khi đăng ký thành công Khách hàng có quyền sử dụng các Dịch vụ này và mặc nhiên chấp nhận các điều khoản, điều kiện ràng buộc được quy định cho dịch vụ Khách hàng đã đăng ký.

26.4. Việc cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến của CVS và việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng được ràng buộc bởi các điều khoản của Hợp đồng này, các cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với CVS và/hoặc các điều kiện, cách thức, quy định giao dịch cụ thể được CVS hướng dẫn, thông báo trực tiếp cho Khách hàng hoặc trên website của CVS.

Điều 27. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của Khách hàng

27.1. **Giao dịch trực tuyến** là các giao dịch liên quan đến chứng khoán, tiền gửi, lệnh, thông tin Khách hàng, đăng ký dịch vụ trên TKGD mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các Dịch vụ; và (ii) thông qua các phương tiện trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, web-chat và các phương tiện trực tuyến khác.

27.2. **Dịch vụ giao dịch trực tuyến** là các dịch vụ do CVS cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các Giao dịch trực tuyến.

27.3. **Dịch vụ nhận tin nhắn SMS** là dịch vụ do CVS cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng nhận các tin nhắn liên quan đến thông tin TKGD, thông tin về các sản phẩm, tính năng … đối với Khách hàng có đăng ký sử dụng dịch vụ này.

27.4. **Dịch vụ nhận bản tin CVS qua email và xem trực tiếp qua website (www.cvs.vn)** là dịch vụ do CVS cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng nhận các email liên quan đến thông tin TKGD, bản tin phân tích của CVS, truy cập trung tâm phân tích của CVS, thông tin về các sản phẩm, tính năng …đối với Khách hàng có đăng ký sử dụng dịch vụ này.

27.5. **Hệ thống** là hệ thống do CVS thiết lập để thực hiện các Giao dịch trực tuyến bao gồm các chương trình phần mềm, tiện ích, ứng dụng được cài đặt tại địa chỉ tên miền con của tên miền chính https://cvs.vn (cụ thể do CVS thông báo) hoặc hệ thống điện thoại, máy tính bảng, fax, email, của CVS.

27.6. **Mật khẩu đăng nhập** là mật khẩu để xác định Khách hàng khi truy cập vào Hệ thống.

27.7. **Mật khẩu giao dịch** là mật khẩu được sử dụng để Khách hàng xác nhận trước khi thực hiện một Giao dịch trực tuyến. Mật khẩu giao dịch tồn tại theo hai hình thức:

a. Mật khẩu SMS OTP: là phương pháp xác thực Khách hàng dùng Mật khẩu giao dịch một lần (OTP: one-time-password) nhận bằng phương thức SMS đến số điện thoại Khách hàng đăng ký nhận mật khẩu xác thực để Khách hàng thực hiện các giao dịch trực tuyến, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định;

b. Mật khẩu SMART OTP: là phương pháp xác thực Khách hàng dùng Mật khẩu giao dịch sử dụng một lần (OTP: one-time-password) nhận bằng phương thức Khách hàng sử dụng phần mềm SMART OTP để Khách hàng thực hiện các giao dịch trực tuyến, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.

27.8. **Chứng từ trực tuyến** là các thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu giao dịch tiền và chứng khoán của Khách hàng được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

27.9. **Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động** là Dịch vụ cung cấp cho Khách hàng sử dụng TKGDCK. Khi lệnh bán khớp sẽ làm tăng ngay sức mua trong ngày cho Khách hàng. Cuối ngày hệ thống tự động ứng trước trên phần tiền Khách hàng đã sử dụng để mua chứng khoán trong ngày. Cách thức xác định giá trị ứng trước sẽ theo quy định của CVS tùy từng thời điểm.

Điều 28. Các rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến

Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn những rủi ro dưới đây:

28.1. Lỗi kỹ thuật phát sinh từ hệ thống phần cứng, phần mềm;

28.2. Đường truyền kết nối từ CVS đến các SGDCK bị đứt kết nối do các nguyên nhân từ phía nhà cung cấp;

28.3. Các nguyên nhân do Sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến hệ thống như: thiên tai, động đất ảnh hưởng đến hệ thống phần cứng;

28.4. Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do tắc nghẽn đường truyền (trong nước và quốc tế);

28.5. Các máy tính có thể bị nhiễm virus hoặc bị tấn công mạng làm ngưng trệ các hoạt động trao đổi thông tin trong mạng máy tính;

28.6. Lỗi phần mềm cơ sở hạ tầng như: hệ điều hành, phần mềm ảo hóa do nguyên nhân từ phía nhà sản xuất;

28.7. Lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn, hoặc có lỗi dữ liệu;

28.8. Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể bị nhầm, sai sót;

28.9. Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch hoặc cũng có thể có độ trễ từ 1 - 90s vì những nguyên nhân khách quan;

28.10. Các tin tức, thông tin doanh nghiệp được đăng tải trên website của CVS, hay các hệ thống giao dịch trực tuyến của CVS được trích dẫn từ nguồn các SGDCK và từ đơn vị cung cấp tin tức chính thức cho CVS;

28.11. Những rủi ro có thể xảy ra của các phương thức xác thực đặt lệnh cho nhà đầu tư.

Điều 30. Đăng ký, thay đổi phương thức xác thực

29.1. CVS sẽ cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến liên tục.

29.2. Thời gian cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến liên quan đến giao dịch mua/bán/hủy chứng khoán được thực hiện theo quy định của SGDCK tùy từng thời điểm.

29.3. Thời gian ngưng cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến do bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ thống hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được CVS thông báo trước trên website, email, SMS hoặc các kênh khác của CVS.

Điều 3. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của Khách hàng

30.1. Điều kiện đăng ký sử dụng SMS OTP
- Khách hàng đăng ký sử dụng phương thức xác thực SMS OTP với CVS theo quy định của CVS tại từng thời kỳ.
- Khách hàng có thiết bị di động kết nối mạng viễn thông theo quy định của CVS tại từng thời kỳ

30.2. Điều kiện đăng ký sử dụng SMART OTP
- Khách hàng có thiết bị di động (điện thoại thông minh) sử dụng hệ điều hành theo quy định của CVS trong từng thời kỳ
- Hoàn tất tải ứng dụng do CVS cung cấp về điện thoại, đồng ý Điều khoản và Điều kiện này, cài đặt và kích hoạt và kích hoạt ứng dụng do CVS cung cấp bằng mã hóa kích hoạt được CVS gửi tới số điện thoạicủa Khách hàng và tạo mật khẩu. Chi tiết các bước cài đặt, kích hoạt được thực hiện theo hướng dẫn của CVS tại từng thời kỳ.

30.3. Khách hàng được phép đăng ký SmartOTP trên thiết bị IOS, Android. Tại cùng một thời điểm, Khách hàng chỉ được đăng ký SmartOTP trên một thiết bị duy nhất. Trường hợp Khách hàng đăng ký Smart OTP trên thiết bị khác (thiết bị mới) ngoài thiết bị Khách hàng đã đăng ký sử dụng SmartOTP (Thiết bị cũ), Thiết bị cũ sẽ bị hủy đăng ký SmartOTP tự động kể từ thời điểm Khách hàng đăng ký SmartOTP thành công trên thiết bị mới.

30.4. Khách hàng có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho CVS và thực hiện theo đúng hướng dẫn của CVS trong trường hợp sau:
- Khách hàng đăng ký sử dụng phương thức xác thực SMS OTP với CVS theo quy định của CVS tại từng thời kỳ
- Khách hàng phát hiện bất kỳ một vấn đề nào hay các sự cố về mặt nghiệp vụ hoặc kỹ thuật liên quan đến sự an toàn trong quá trình đăng ký và sử dụng SmartOTP

30.5. Việc đăng ký/thay đổi đăng ký sử dụng Smart OTP của Khách hàng được CVS thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng hoặc do Khách hàng trực tiếp thực hiện trên Ứng dụng do CVS cung cấp hoặc qua các kênh khác theo quy định của CVS tại từng thời kỳ.

Điều 31. Trách nhiệm bảo mật

31.1. Trách nhiệm bảo mật của Khách hàng:

a. Bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch. Khách hàng không được cung cấp Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch cho người khác.

b. Trường hợp bị lộ hoặc quên Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch; Thiết bị xác thực bị mất cắp, thất lạc hoặc không sử dụng được, Khách hàng phải liên hệ ngay với CVS và thực hiện theo chỉ dẫn của CVS. CVS sẽ không chịu bất kỳ hậu quả trực tiếp hay gián tiếp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Khách hàng cung cấp, làm lộ hoặc quên Tên đăng nhập, Mật khẩu, Thiết bị xác thực bị mất cắp, thất lạc.

31.2. Trách nhiệm bảo mật của CVS:

a. Bảo mật và lưu giữ thông tin của Khách hàng (tài khoản đăng nhập/Mật khẩu đăng nhập, thông tin giao dịch và tất cả các thông tin khác của Khách hàng) trừ trường hợp phải cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b. Hỗ trợ Khách hàng khôi phục thông tin đăng nhập khi Khách hàng yêu cầu.

Điều 32. Cam kết của khách hàng

32.1. Cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ đúng những hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do CVS cung cấp trực tiếp cho Khách hàng hoặc công bố rộng rãi trên website của CVS (**"Hướng dẫn công khai"**). CVS không chịu bất kỳ trách nhiệm đối với những Giao dịch trực tuyến không thực hiện được với bất kỳ lý do gì hay bất cứ thiệt hại nào xảy ra khi Khách hàng không thực hiện đúng những Hướng dẫn công khai.

32.2. Mật khẩu giao dịch xuất hiện trong mã PIN/mã CCPIN là chữ ký điện tử của Khách hàng ("Chữ ký điện tử") và các Chứng từ trực tuyến được Khách hàng khởi tạo và/hoặc xác nhận và gửi có Chữ ký điện tử và các xác nhận của Khách hàng được gửi từ các địa chỉ đăng ký tại Hợp đồng (email, điện thoại, fax) có giá trị pháp lý như các yêu cầu của Khách hàng gửi trực tiếp và hợp lệ tại quầy giao dịch của CVS (phiếu lệnh, yêu cầu chuyển khoản, các yêu cầu khác liên quan đến TKGD của Khách hàng cũng như việc đăng ký và sử dụng dịch vụ tại CVS).

32.3. Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên TKGD của Khách hàng bằng tên truy cập với đúng Mật khẩu đăng nhập và Mật khẩu giao dịch hoặc các yếu tố định danh khác do CVS cung cấp cho Khách hàng đều được coi là Khách hàng truy cập.

32.4. Cung cấp đầy đủ/đăng ký các thông tin liên quan đến Khách hàng và kịp thời thông báo cho CVS khi có sự thay đổi các thông tin đó, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi Khách hàng đã nhận được xác nhận bằng văn bản của CVS.

32.5. Chấp nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Khách hàng đã đăng ký cho CVS mặc nhiên được hiểu là được gửi đến hoặc gửi từ Khách hàng, có giá trị tương đương Chữ ký điện tử.

32.6. Thanh toán đầy đủ Giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của CVS đã được Hướng dẫn công khai tùy từng thời điểm.

32.7. Ý thức và đồng ý những rủi ro có thể phát sinh từ Giao dịch trực tuyến đã được đề cập tại Điều 28 của Hợp đồng và Bản công bố rủi ro mà CVS đã cung cấp cho Khách hàng hoặc công bố trên website của CVS.

32.8. Chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng,... do Khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch vụ giao dịch trực tuyến.

32.9. Đồng ý uỷ quyền cho CVS được tự động trích tiền/ghi nhận nợ trên TKGD của Khách hàng để thanh toán Giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của CVS liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng.

32.10. Liên quan đến **dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động**, khi đăng ký dịch vụ này, Khách hàng cam kết:

a. Đồng ý để CVS được quyền chủ động trích tiền từ TKGD của Khách hàng hoặc yêu cầu Ngân hàng mà Khách hàng đã đăng ký với CVS trích tiền từ tài khoản thanh toán của Khách hàng để thu lại Giá trị ứng trước và giá dịch vụ ứng trước theo mức giá dịch vụ quy định hiện hành của CVS ngay khi tiền bán chứng khoán về TKGD.

b. Hoàn trả lại cho CVS Giá trị ứng trước và giá dịch vụ ứng trước phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của CVS nếu kết quả khớp lệnh bán chứng khoán nói trên bị hủy thanh toán theo thông báo của TTLKCK vì bất kỳ lý do gì.

c. Hoàn trả khoản dư nợ theo quy định của CVS ngay khi nhận được yêu cầu của CVS nếu tiền khả dụng trong TKGD hoặc tài khoản thanh toán tại Ngân hàng không đủ để hoàn trả Giá trị ứng trước và giá dịch vụ có liên quan.

d. Đồng ý để CVS được toàn quyền và chủ động bán bất kỳ chứng khoán nào có trên TKGD với giá giao dịch do CVS quyết định để thu hồi các khoản dư nợ của Khách hàng nếu Khách hàng không thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn các khoản tiền phải trả theo quy định của CVS liên quan đến giao dịch mua và/hoặc bán chứng khoán và/hoặc ứng trước tiền bán chứng khoán. Khách hàng có trách nhiệm tiếp tục thanh toán các khoản dư nợ ngay khi CVS yêu cầu khi việc bán chứng khoán quy định tại Điều này vẫn không đủ để CVS thu hồi các khoản nợ.

e. Không rút tiền khả dụng trong TKGD hoặc tài khoản thanh toán tại Ngân hàng mà Khách hàng đã đăng ký với CVS khi Khách hàng chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản dư nợ hiện có đối với CVS.

32.11. Khách hàng đồng ý rằng không có bất kỳ giới hạn về số lượng và thời gian nhận thông tin từ CVS theo các hình thức nhận thông tin do Khách hàng đăng ký.

Điều 33. Giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến

33.1. Giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến là việc Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán lô lẻ thông qua phương thức giao dịch trực tuyến của CVS.

33.2. Giá chuyển nhượng chứng khoán lô lẻ sẽ là mức giá do CVS quy định đang có hiệu lực tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh bán chứng khoán lô lẻ và tuân thủ theo quy định của pháp luật và CVS.

33.3. Khi sử dụng dịch vụ Khách hàng đồng ý trả cho CVS phí dịch vụ cho dịch vụ giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến được CVS quy định theo từng thời kỳ.

Điều 34. Thiết bị, phần mềm và truy cập mạng

34.1. Khách hàng chịu trách nhiệm lắp đặt, duy trì và vận hành máy tính cá nhân, điện thoại của Khách hàng. CVS không chịu trách nhiệm với việc mất dữ liệu, phần mềm, hỏng hóc máy tính, điện thoại của Khách hàng trong quá trình Khách hàng sử dụng dịch vụ.

34.2. Khách hàng chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống điện thoại, máy tính cá nhân và phầm mềm của Khách hàng sử dụng trong việc truy cập được dịch vụ.

Điều 35. Cam kết của CVS

35.1. CVS không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyển tiếp, thực hiện thành công các Giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

35.2. Đối với các Giao dịch trực tuyến mà CVS trong khả năng kiểm soát của mình nhận thấy có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ, CVS có thể từ chối thực hiện hoặc phải xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện.

35.3. Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Khách hàng theo đúng quy định pháp luật.

35.4. Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ cho Khách hàng sử dụng các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, công khai các biểu giá áp dụng.

35.5. Thông báo trước cho Khách hàng trong trường hợp ngưng, tạm ngưng, thay đổi/chỉnh sửa/thay thế cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ giao dịch trực tuyến, thay đổi các điều khoản áp dụng khi đăng ký giao dịch trực tuyến cho phù hợp với quy định pháp luật.

35.6. Hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến. Thường xuyên cập nhật các phiên bản mới của Hệ thống cho Khách hàng (nếu có).

35.7. Lưu trữ các Chứng từ trực tuyến liên quan đến việc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo rằng các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.

35.8. Thực hiện ngay việc thông báo trên website của CVS và thông báo tại các điểm nhận lệnh, đại lý, chi nhánh và trụ sở CVS và nỗ lực tối đa trong thời gian sớm nhất để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến Giao dịch trực tuyến không thể thực hiện được để Khách hàng kịp thời tiến hành giao dịch chứng khoán thông qua nhân viên giao dịch hoặc nhân viên môi giới của CVS.

35.9. Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật trường hợp phát sinh các thiệt hại do lỗi của CVS gây ra trên cơ sở thương lượng ngoại trừ các lỗi hệ thống.

Điều 36. Miễn trừ trách nhiệm

36.1. CVS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:

a. Khách hàng cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không sử dụng được Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

b. Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của CVS trong việc cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến.

c. Lỗi của Hệ thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan, kể cả trường hợp Hệ thống từ chối thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng vì bất kỳ lý do nào.

d. CVS thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông, thiên tai hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của CVS hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo của bất kỳ bên thứ ba nào.

e. Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận các thông tin mà Dịch vụ giao dịch trực tuyến cung ứng của những người được Khách hàng ủy quyền.

f. Việc Khách hàng để lộ tên truy cập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, Chữ kí điện tử và/hoặc các yếu tố định danh khác mà CVS cung cấp dẫn đến người khác dùng những thông tin này để sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận những thông tin mà Dịch vụ giao dịch trực tuyến cung ứng.

36.2. Hai bên không chịu trách nhiệm bất kỳ sai sót, một phần hay toàn bộ các điều khoản được nêu tại đây khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

Điều 37. Chấm dứt và sửa đổi

37.1. Chấm dứt cung cấp dịch vụ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Một trong các trường hợp chấm dứt theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

b. Theo yêu cầu của Khách hàng sau khi Khách hàng đã thanh toán đầy đủ dư nợ cho CVS hoặc khi Hợp đồng mở TKGDCK chấm dứt.

37.2. CVS bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung Giá Dịch vụ, Dịch vụ giao dịch trực tuyến cụ thể, hoặc ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ bất kỳ dịch vụ nào vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự đồng ý trước của Khách hàng. CVS sẽ thông báo các sửa đổi, bổ sung, ngừng cung cấp dịch vụ nêu trên và các thông tin liên quan khác công khai tại quầy giao dịch, website của CVS hoặc gửi qua địa chỉ email mà Khách hàng đã đăng ký với CVS. CVS không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng không nhận được thông tin do:

a. Email của Khách hàng không nhận được thư vì bất cứ lý do gì;

b. Khách hàng thay đổi địa chỉ email mà không thông báo với CVS.

Điều 38. Điều khoản khác

38.1. Việc Khách hàng đăng ký và sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Khách hàng được quy định tại các Phụ lục, Hợp đồng và cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với CVS và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà CVS đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Khách hàng.

38.2. Việc đăng ký sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến không loại trừ quyền của Khách hàng được thực hiện giao dịch chứng khoán qua hình thức sử dụng các dịch vụ khác mà Khách hàng đã đăng ký với CVS.

38.3. Khách hàng cần thực hiện kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến TKGD và kịp thời phản ánh cho CVS những sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.